

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ N
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 62/2023/HS-ST

Ngày: 25/5/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N - TỈNH NINH BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Bình.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Thanh Bình

Bà Phạm Thị Ngọc Nga

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đặng Quỳnh Anh - Thư ký, Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố N tham gia phiên tòa:** Ông Hoàng Tuấn Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 53/2023/TLST-HS ngày 14 tháng 4 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 55/2023/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 5 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Hà Minh Q**, (tên gọi khác: Không); giới tính: Nam, sinh năm 1992, tại Hà Nội; Nơi cư trú: thôn N, xã T, huyện M, thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Hà Văn Q1 và bà N; Vợ: đã ly hôn (Hiện bị cáo đang chung sống như vợ chồng với Nguyễn Thị T); Con: có hai con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: chưa có.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 17/12/2022 đến ngày 26/12/2022 chuyển tạm giam, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình cho đến nay, (Có mặt).

2. Họ và tên: **Nguyễn Thị T**, (tên gọi khác: Không); giới tính: Nữ, sinh năm 1994, tại Lào Cai; Nơi đăng ký thường trú: tổ 3 L, phường L, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai; Nơi tạm trú: thôn N, xã T, huyện M, thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 09/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông L và bà Trần Thị M; Chồng: đã ly hôn (Hiện bị cáo đang chung sống như vợ chồng với Hà Minh Q); Con: có hai con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: chưa có.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17/12/2022 đến ngày 26/12/2022 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, (Có mặt).

Bị hại: chị Vũ Thị T1, sinh năm 1978; địa chỉ: số 03/42/522, N, phố T, phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình, (Vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Hà Văn Q1, sinh năm 1961; Trú tại: thôn N, xã T, huyện M, thành phố Hà Nội, (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng cuối tháng 4 đầu tháng 5/2022, Nguyễn Thị T và Hà Minh Q bàn bạc với nhau lập Facebook ảo để đăng bài dưới hình thức bán Bưởi da xanh, khi người nào có nhu cầu mua thì sẽ yêu cầu họ chuyển tiền hàng trước với mục đích chiếm đoạt số tiền của họ, Q đồng ý rồi đi mua một sim Viettel (Q nhớ bốn số cuối là 7512) cùng một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 về để kích hoạt sim. Q ra quán Internet tại thành phố Lào Cai để lập tài khoản Facebook mang tên “Huyền My”, lấy ảnh đại diện là vườn bưởi. Sau đó, Q đăng nhập tài khoản vào chiếc điện thoại di động Iphone 6SPlus và đưa cho T để T đăng tải các hình ảnh vườn, quả bưởi da xanh đăng lên trên trang Facebook “Huyền My” nhằm tìm kiếm người có nhu cầu mua. Sau khi dùng được khoảng 01 tháng thì chiếc điện thoại Nokia 1280 và chiếc sim có số đuôi là 7512 Q đã vất đi, không sử dụng đến nữa. Đến đầu tháng 9/2022, T đăng tải các bài viết và hình ảnh bán bưởi da xanh vào các trang hội nhóm bán hàng để chào bán bưởi và tìm người có nhu cầu mua để lừa đảo, đến ngày 15/9/2022 chị Vũ Thị T1 sử dụng tài khoản Facebook mang tên “Vũ Thị T1” nhắn tin trao đổi đặt hàng mua bưởi da xanh với số lượng lớn về bán với Facebook “Huyền My”, để tạo niềm tin nên T đi mua 01 sim điện thoại số 0368.942.290 và đưa cho Q liên lạc, trao đổi với chị T1. Khi chị T1 đặt mua 33 thùng bưởi da xanh Bến Tre với số tiền 17.550.000 đồng, Q đã nhắn tin gửi số tài khoản 37510000487492 mang tên Nguyễn Thị T tại ngân hàng BIDV để chị T1 chuyển tiền, Q lấy 01 phong bì thư viết thông tin người nhận và người gửi lên phong bì để gửi cho chị T1 tạo niềm tin. Chị T1 tin tưởng và sử dụng số tài khoản 330333626868 tại ngân hàng Agribank chuyển số tiền 17.550.000 đồng vào tài khoản của T. Ngày 16/9/2022 chị T1 đặt mua 35 thùng bưởi da xanh Bến Tre với số tiền 18.450.000 đồng và chuyển tiền vào tài khoản của T1, ngày 17/9/2022 chị T1 tiếp tục đặt mua thêm 40 thùng bưởi da xanh Bến Tre với số tiền 20.100.000 đồng, chị T1 chuyển số tiền 14.100.000 đồng vào tài khoản của T và dùng số tài khoản 3302205109731 của mình tại ngân hàng Agribank chuyển nốt số tiền 6.000.000 đồng vào tài khoản của T. Tổng số tiền chị T1 chuyển khoản 04 lần cho Q và T là 56.100.000 đồng. Khi T nhận được số tiền trên T đều thông báo cho Q là đã nhận được, đến ngày 18/9/2022 T tháo sim vất đi, xóa tài khoản Facebook “Huyền My” để chị T1 không liên lạc được và mang chiếc điện thoại Iphone 6SPlus đi bán. Số tiền chiếm đoạt được của chị T1, T đã rút ra 20.000.000 đồng để cùng Q chi tiêu vào sinh hoạt cá nhân, số tiền còn lại 36.100.000 đồng Q và T vẫn để trong tài khoản.

Sau khi không liên lạc được với người bán và cũng không nhận được hàng là buổi da xanh như đã thỏa thuận, ngày 03/10/2022 chị Vũ Thị T1 đã lên Cơ quan Công an thành phố N trình báo.

Quá trình điều tra, xác minh ngày 17/12/2022 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố N đã triệu tập Nguyễn Thị T và Hà Minh Q lên làm việc, tại đây T và Q đã viết đơn xin đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Ngoài ra còn thu giữ của T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Pro max, số Imel 1: 351596249081706, số Imeil 2: 351596248904957, lắp sim số 03876.674.042. Thu giữ của Q 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Pro Max, số Imeil 1: 35597829382213, số Imeil 2: 35597828827424, lắp sim số 0986.416.668 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12, số Imeil 1: 358494245288306, số Imeil 2: 358494245368353, lắp sim số 0966.663.170.

Tại bản Cáo trạng số 53/CT-VKS ngày 13/04/2023 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố N truy tố Nguyễn Thị T và Hà Minh Q về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, theo điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự (BLHS).

Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị T và Hà Minh Q phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

- Áp dụng điểm c khoản 2 điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52: khoản 1 Điều 54 BLHS; xử phạt Hà Minh Q từ 18 đến 21 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 17/12/2022.

- Áp dụng điểm c khoản 2 điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52: khoản 1 Điều 54; Điều 65 BLHS; xử phạt Nguyễn Thị T từ 18 đến 21 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 36 tháng đến 42 tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 25/5/2023. Giao bị cáo cho UBND xã T, huyện M, thành phố Hà Nội theo dõi giáo dục trong thời gian thử thách, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã T trong việc giáo dục bị cáo.

- Các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46 BLHS trả lại cho ông Hà Văn Q1 số tiền 36.100.000 đồng.

- Buộc các bị cáo Nguyễn Thị T và Hà Minh Q mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa Kiểm sát viên, những người tham gia tố tụng không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Bị cáo không tranh luận gì với lời luận tội của Kiểm sát viên.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa là khách quan phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ căn cứ kết luận: để có tiền tiêu sai cá nhân trong các ngày 15, 16 và 17/9/2022, Hà Minh Q và Nguyễn Thị T đã dùng thủ đoạn gian dối bằng cách lập tài khoản Facebook ảo, lên mạng đăng bán bưởi da xanh với mục đích tìm người mua sau đó chiếm đoạt tài sản, các bị cáo đã chiếm đoạt của chị Vũ Thị T1 tổng cộng số tiền 56.100.000 đồng, cụ thể:

Ngày 15/9/2022, chị T1 đã liên lạc, trao đổi và thỏa thuận đặt mua 33 thùng bưởi da xanh Bến Tre của T và Q với số tiền là 17.550.000 đồng. Chị T1 đã chuyển số tiền 17.550.000 đồng vào tài khoản ngân hàng cho T và Q.

Ngày 16/9/2022, chị Thịnh liên lạc đặt mua 35 thùng bưởi da xanh Bến Tre với số tiền 18.450.000 đồng. T và Q đồng ý nên chị T1 đã chuyển số tiền 18.450.000 đồng vào tài khoản ngân hàng cho T và Q.

Ngày 17/9/2022, chị T1 tiếp tục đặt mua 40 thùng bưởi da xanh Bến Tre với số tiền 20.100.000 đồng. T và Q đồng ý và chị T1 đã chuyển khoản qua ngân hàng lần thứ nhất với số tiền 14.100.000 đồng và tiếp tục dùng một tài khoản khác của mình (số tài khoản 3302205109731) để chuyển lần thứ hai với số tiền 6.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng cho T và Q.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Bản thân các bị cáo có đầy đủ năng lực hành vi, trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện tội phạm. Đối chiếu với nội dung bản Cáo trạng, lời luận tội, các chứng cứ buộc tội các bị cáo như Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa là có căn cứ. Vì vậy, hành vi nêu trên của các bị cáo đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thuộc trường hợp chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của BLHS.

Điều 174. Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản

1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

.....

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

.....

c. Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;

.....
Về thủ đoạn, động cơ, mục đích và nguyên nhân phạm tội: các bị cáo đã lợi dụng sự tin tưởng của người mua hàng, dùng thủ đoạn gian dối để tạo niềm tin nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản.

Hành vi phạm tội của các bị cáo không mang tính tổ chức, chỉ là đồng phạm giản đơn. Trong vụ án này sau khi các bị cáo thống nhất và cùng thực hiện hành phạm tội, cùng chiếm hưởng với nhau; Do đó, các bị cáo có vai trò như nhau.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: khi bị triệu tập lên cơ quan điều tra làm việc các bị cáo đã viết đơn đầu thú hành vi phạm tội của mình; Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; Đối với số tiền 56.100.000 đồng T và Q chiếm đoạt của chị T1 đã được ông Q1 (bố đẻ của Q) khắc phục hậu quả, chị T1 không có yêu cầu đề nghị gì khác, đồng thời có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho T và Q; Các bị cáo chung sống với nhau như vợ chồng, đã tổ chức đám cưới nhưng chưa đăng ký kết hôn, điều kiện hoàn cảnh gia đình khó khăn (hiện tại bị cáo T một mình nuôi con chung và các con riêng còn nhỏ, trong đó có cháu Hà Đăng K là người khuyết tật đặc biệt nặng), có xác nhận của chính quyền địa phương. Do đó, cần cho các bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: các bị cáo đã thực hiện 03 hành vi phạm tội vào các ngày 15, 16 và 17 /9/2022, mỗi hành vi phạm tội có đầy đủ yếu tố cấu thành tội phạm “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 174 BLHS; vì vậy, các bị cáo còn bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: các bị cáo đều có nhân thân tốt, đều có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS và nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS; do đó khi quyết định hình phạt cần áp dụng mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 54 BLHS, đối với cả hai bị cáo.

Tuy nhiên, đối với bị cáo Hà Minh Q cần cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian để bị cáo học tập, cải tạo thành người có ích cho gia đình và xã hội. Đối với bị cáo Nguyễn Thị T, xét thấy không cần thiết phải bắt chấp hành hình phạt tù vì có khả năng tự cải tạo và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, an toàn xã hội; do đó cần áp dụng Điều 65 BLHS giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục và ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo là có căn cứ, phù hợp.

[2]. Về trách nhiệm dân sự: Đối với số tiền 56.100.000 đồng các bị cáo chiếm đoạt của chị Vũ Thị T1 đã được ông Hà Văn Q1 (bố đẻ của Q) khắc phục

hậu quả số tiền 56.100.000 đồng cho chị T1. Chị T1 đã nhận đủ số tiền trên, không có yêu cầu đề nghị gì khác; Vì vậy, Hội đồng xét xử không xét.

[3]. Về các biện pháp tư pháp: Quá trình điều tra, ngày 07/3/2023 Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, chi nhánh Lào Cai đã khấu trừ từ tài khoản 37510000487492 mang tên Nguyễn Thị T số tiền là 36.100.000 đồng đến tài khoản của Cơ quan điều tra Công an thành phố N; số tiền trên hiện đang ở tài khoản Chi cục thi hành án dân sự thành phố N tại kho bạc Nhà nước tỉnh Ninh Bình theo ủy nhiệm chi số 72 lập ngày 27/04/2023. Số tiền 31.600.000 đồng Q và T vẫn để trong tài khoản là số tiền mà các bị chiếm đoạt được của chị T1 còn lại. Ông Hà Văn Q1 đã khắc phục hậu quả cho chị T1, vì vậy số tiền này cần trả lại cho các bị cáo. Tuy nhiên, tại phiên tòa các bị cáo đề nghị trả lại cho ông Hà Văn Q1, đề nghị của các bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[4]. Các vấn đề khác:

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Pro max, thu giữ của Nguyễn Thị T không sử dụng vào mục đích lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên Cơ quan điều tra đã trả lại tài sản trên cho T là phù hợp.

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Pro Max và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12, thu giữ của Q. Q đã viết giấy ủy quyền cho Nguyễn Thị T (là vợ chưa đăng ký kết hôn) nhận lại tài sản trên là phù hợp.

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus sau khi sử dụng để lừa đảo chiếm đoạt tài sản T đã mang đi bán tại cửa hàng điện thoại ở thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai T không nhớ địa chỉ cửa hàng cụ thể và 01 sim số 0368.942.290 của T đã vứt đi; 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia 1280 và chiếc sim có số đuôi là 7512 Q đã vứt đi, không sử dụng đến nữa. Do vậy, không có căn cứ để xác minh làm rõ.

[5]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[6]. Về án phí: các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Hà Minh Q và Nguyễn Thị T. Riêng bị cáo Nguyễn Thị T được áp dụng thêm Điều 65 của Bộ luật hình sự.

- Điều 46 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Các bị cáo Hà Minh Q và Nguyễn Thị T đều phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

1.1. Xử phạt bị cáo Hà Minh Q 21 (Hai mươi một) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 17/12/2022.

1.2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 21 (Hai mươi một) tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 42 (Bốn mươi hai) tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 25/5/2023 (Bị cáo đã bị tạm giữ từ ngày 17/12/2022 đến ngày 26/12/2022). Giao bị cáo cho UBND xã T, huyện M, thành phố Hà Nội theo dõi giám sát giáo dục trong thời gian chấp hành án. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã T, huyện M, thành phố Hà Nội trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

* Nếu bị cáo Nguyễn Thị T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 68, Điều 92 luật Thi hành án hình sự.

(Trong thời gian thử thách nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 BLHS).

2. Các biện pháp tư pháp: trả cho ông Hà Văn Q1 số tiền 36.100.000 đồng (Ba mươi sáu triệu một trăm nghìn đồng), số tiền trên hiện đang ở tài khoản Chi cục thi hành án dân sự thành phố N tại kho bạc Nhà nước tỉnh Ninh Bình theo ủy nhiệm chi số 72 lập ngày 27/04/2023.

3. Án phí: Buộc các bị cáo Hà Minh Q và Nguyễn Thị T mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo:

- Các bị cáo, ông Q1 có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 25/5/2023.

- Chị T1 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời gian 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a, 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người liên quan;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND thành phố N;
- Công an thành phố N;
- Chi cục THA.DS thành phố N;
- Thi hành án HS;
- Sở Tư pháp Ninh Bình;
- Lưu (Hồ sơ, VP);

(Thông báo cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Ngọc Bình

